TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH A** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: …./2019/HNGĐ-ST
Ngày: 23 – 5 – 2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Kỉnh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Trương Ngọc Điệp
2. Bà Trần Thị Út

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Tuấn Vũ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang *tham gia phiên toà:* Bà Lê Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 76/2019/TL.ST-HNGĐ, ngày 12 tháng 3 năm 2019 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2019/QĐXX-ST ngày 09 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự.

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Công M (có mặt)
Địa chỉ: Ấp A, thị trấn Một N, huyện Châu T, tỉnh Hậu G

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Lệ T (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp A, thị trấn Một N, huyện Châu T, tỉnh Hậu G

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 11/3/2019 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Phạm Công M trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị Lệ T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Một Ngàn, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu Tẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, cuộc sống hôn nhân không hòa hợp. Ông và bà T đã tìm cách để giải quyết mâu Tẫn nhưng không được, càng ngày mâu Tẫn càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên vợ chồng không còn chung sống với nhau cách đây khoảng 06 năm. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên ông Myêu cầu được ly hôn với bà T. Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Duy Tân (nam), sinh năm 1987, Phạm Kim Tuyến (nữ), sinh năm 1991. Do các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn bà Nguyễn Thị Lệ T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá

trình giải quyết vụ án: Xác định việc thụ lý, hòa giải, T thập chứng cứ cũng như thủ tục tố tụng tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật, đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Về nội dung giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Công Mđược ly hôn với bà Nguyễn Thị Lệ T; Về con chung, về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Giữa ông Phạm Công Mvà bà Nguyễn Thị Lệ T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn năm 1987. Quá trình chung sống, giữa ông Mvà bà T phát sinh mâu Tẫn. Đến ngày 11/3/2019, ông Mnộp đơn yêu cầu ly hôn với bà T, xét đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc tranh chấp ly hôn Tộc thẩm quyền giải quyết của Toà án theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, bà T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bà T.

[3] Về nội dung giải quyết vụ án: Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Về quan hệ hôn nhân, giữa ông Minh, bà T tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp trên cơ sở giấy đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, quá trình chung sống giữa ông Minh, bà T phát sinh mâu Thuẫn. Ông M cho rằng nguyên nhân mâu Tẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, cuộc sống hôn nhân không hòa hợp. Ông M đã cố gắng giải quyết nhưng không được, do sự bất đồng giữa hai bên quá lớn, ông và bà T đã ly thân từ nhiều năm nay. Quá trình giải quyết, Tòa án đã nhiều lần động viên hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành, ông Mxác định không còn tình cảm với bà T nên cương quyết ly hôn. Đối với bà T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến. Từ những chứng cứ nêu trên xét thấy mâu Tẫn giữa ông Mvà bà T là trầm trọng, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Minh. Về con chung: Do các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Từ những tình tiết, căn cứ nêu trên, xét yêu cầu của ông Mcũng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Ông Mphải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Công Minh.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Công Mđược ly hôn với bà Nguyễn Thị Lệ T.

Về con chung, về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết, nếu sau này có phát sinh tranh chấp đương sự có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Phạm Công Mphải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ông Mđã nộp theo biên lai số 0014828 ngày 13 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm (ông Mđã nộp xong).

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- CQ THA DS h.Châu Thành A;
- VKSND h.Châu Thành A;
- UBND TT. Một Ngàn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thanh Kỉnh